TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung
Ông Đinh Thanh Hải
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Hương Liên– Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Chị Trần Thị H**, sinh năm 1982.**

Nơi đăng ký HKTT: Xóm K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Địa chỉ hiện tại: Tầng D, số A, khu B, đường C, quận C, thành phố Đ, Đài Loan. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Anh Trần Văn B, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn B kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2012 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chồng chị thường xuyên say rượu không chăm lo cho gia đình. Tháng 12 năm 2012 chị H đi Đài Loan làm ăn, sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Kim H1, sinh ngày 25/9/2002 đã trưởng thành, Trần Phương L, sinh ngày 10/09/2006 và Trần Đức T, sinh ngày 26/8/2009, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Trần Phương L và Trần Đức T. Tuy nhiên nếu anh B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc các con sau khi ly hôn thì chị đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị H trình bày. Đối với việc chị H làm đơn ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với chị Trần Thị B1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Khi ly hôn anh B1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Phương L, sinh ngày 10/09/2006 và Trần Đức T, sinh ngày 26/8/2009 vì hiện nay hai con chung đang ở cùng anh và ông bà nội. Con chung Trần Kim H1 đã trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B1 yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung Trần Phương L và Trần Đức T cho anh B1, mỗi tháng 2.000.000đồng/01 con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh B1 xác định không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn B. Về con chung, giao 02 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 10/09/2006 và Trần Đức T, sinh ngày 26/8/2009 cho anh Trần Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của anh B. Chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh B mỗi con 2.000.000đồng/01 tháng Về Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H là nguyên đơn có nơi đăng ký HKTT: Xóm K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện tại: Tầng D, số A, khu B, đường C, quận C, thành phố Đ, Đài Loan. Đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ của chị H đều có chứng thực của Văn phòng K tại Đ, Đài Loan. Do vậy, có đủ cơ sở xác định, nội dung các văn bản của chị Trần Thị H nộp gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là đúng ý chí, nguyện vọng của chị H. Anh Trần Văn B là bị đơn hiện đang cư trú tại: Xóm K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Chị H và anh B đều đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị H và anh B đều xác định là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn tình cảm vợ chồng. Chị H xin ly hôn anh B nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn B là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn B có 03 con chung là Trần Kim H1, sinh ngày 25/9/2002 đã trưởng thành, Trần Phương L, sinh ngày 10/09/2006 và Trần Đức T, sinh ngày 26/8/2009. Chị H hiện nay đang làm việc tại Đài Loan và có quan điểm nếu anh B yêu cầu được nuôi cả hai con thì chị H nhất trí. Xét thấy, cả hai con chung Trần Phương L và Trần Đức T của chị H và anh B hiện nay đang sinh sống cùng anh B và ông bà nội và đang học tập tại xã Q huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, các cháu đều có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho con khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung của anh Trần Văn B đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và phù hợp với nguyện vọng của các con chung của anh B và chị H, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh B yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Trần Phương L và Trần Đức T đến khi các con chung đủ 18 tuổi, với mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000 đồng/ 01 tháng là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh B đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Trần Văn B.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 10/09/2006 và Trần Đức T, sinh ngày 26/8/2009 cho anh Trần Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Trần Phương L, sinh ngày 10/09/2006 và Trần Đức T, sinh ngày 26/8/2009 cho anh Trần Văn B. Mức cấp dưỡng mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000044 ngày 27/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Anh Trần Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)
Lê Thị Hồng Phương

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *CụcTHADS tỉnh;*
- *UBND xã Tân Thịnh, Định Hoá;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*